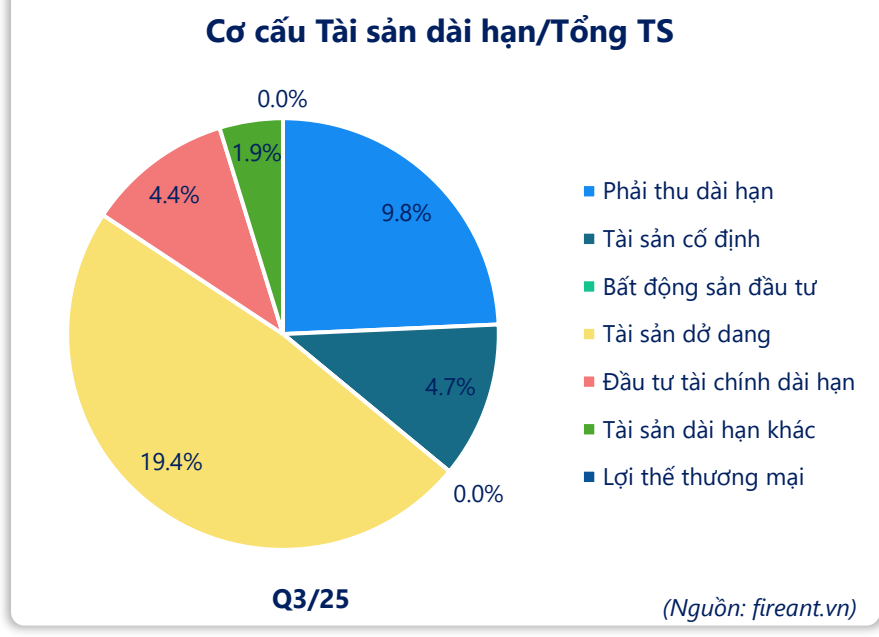
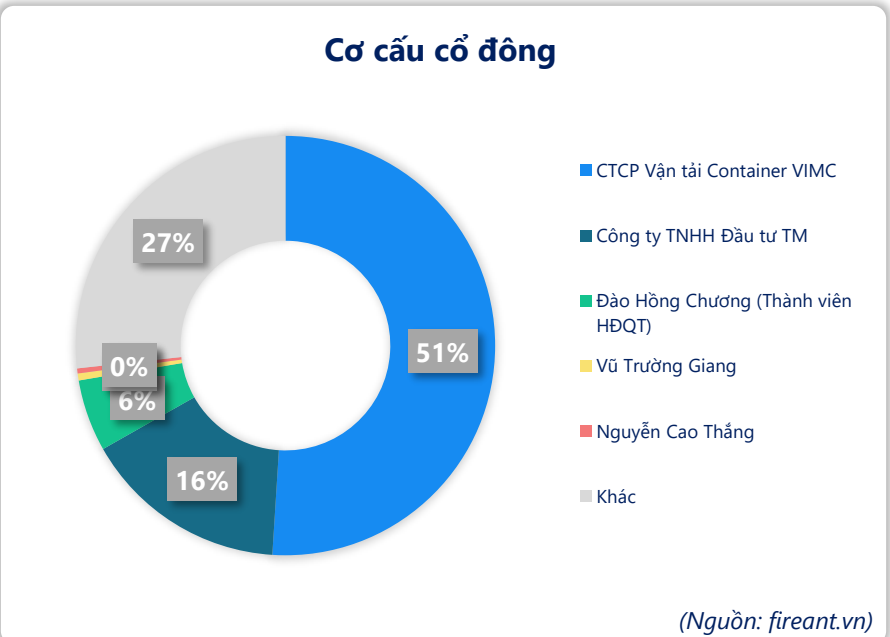
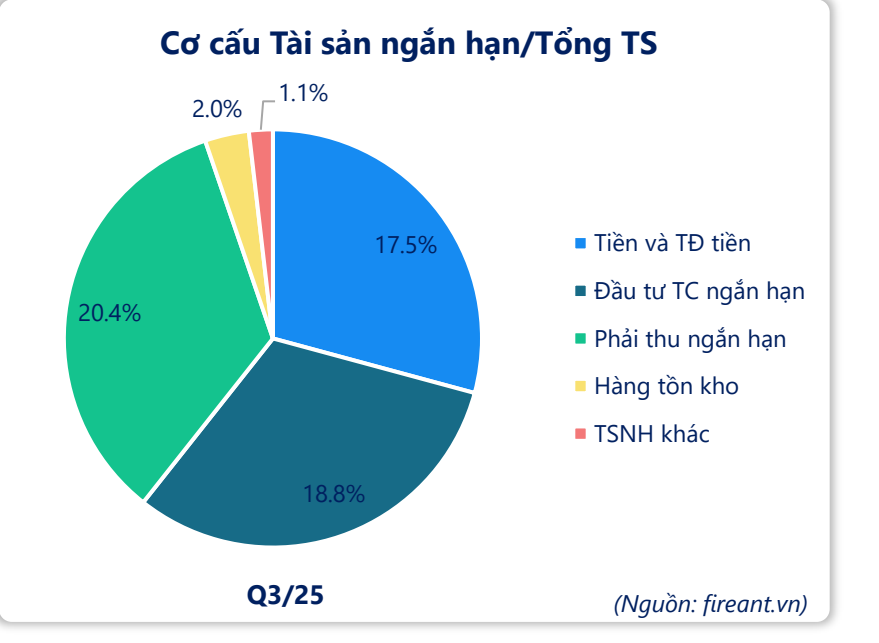
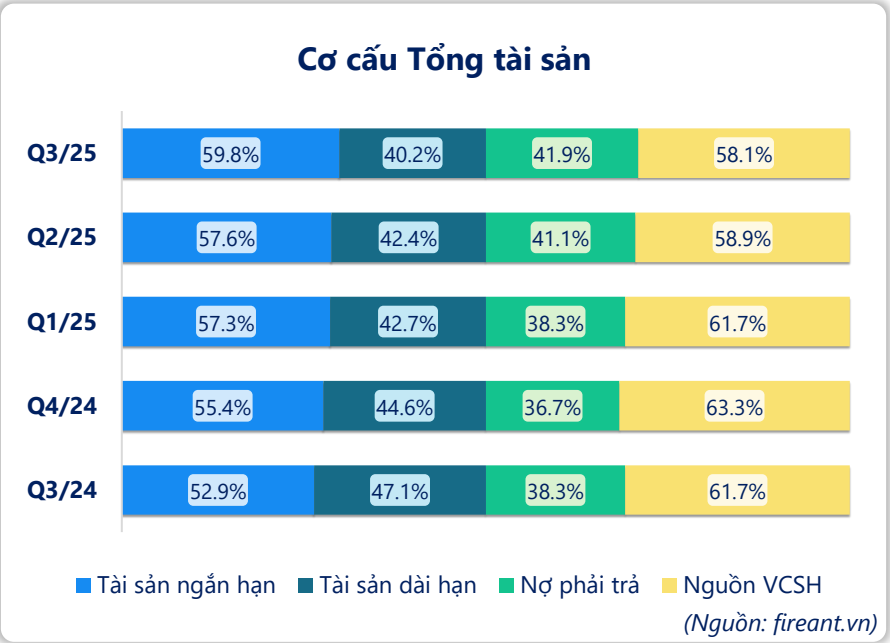
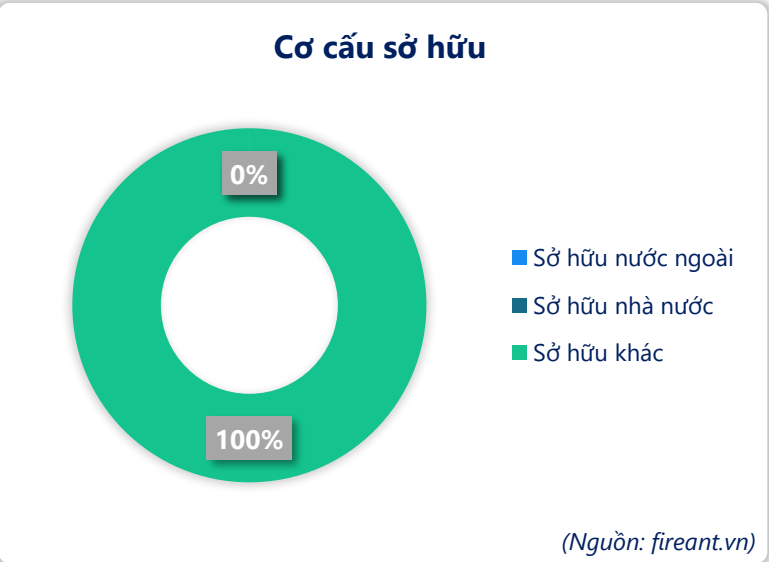
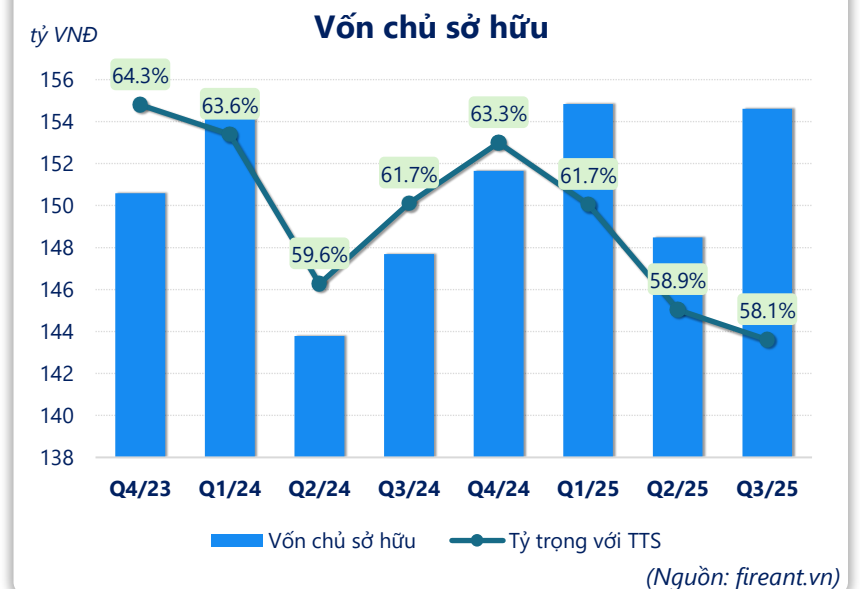
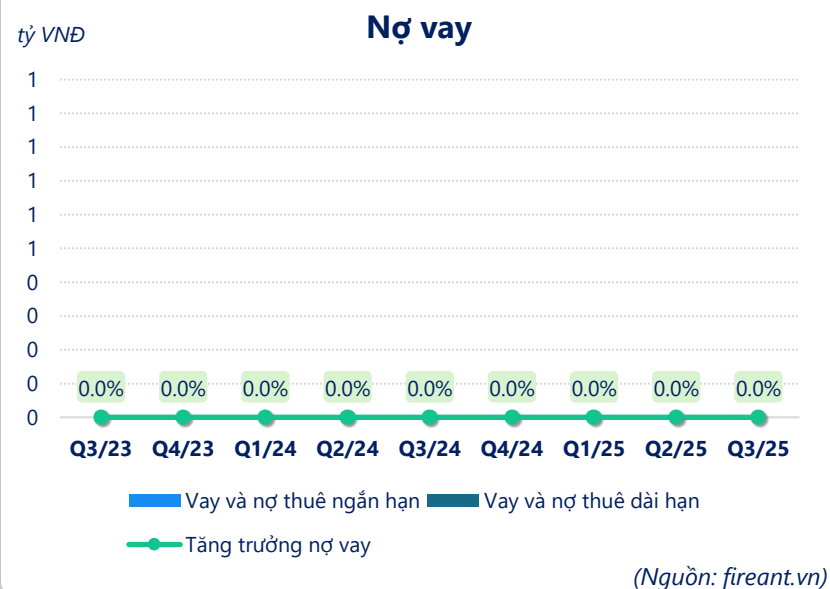
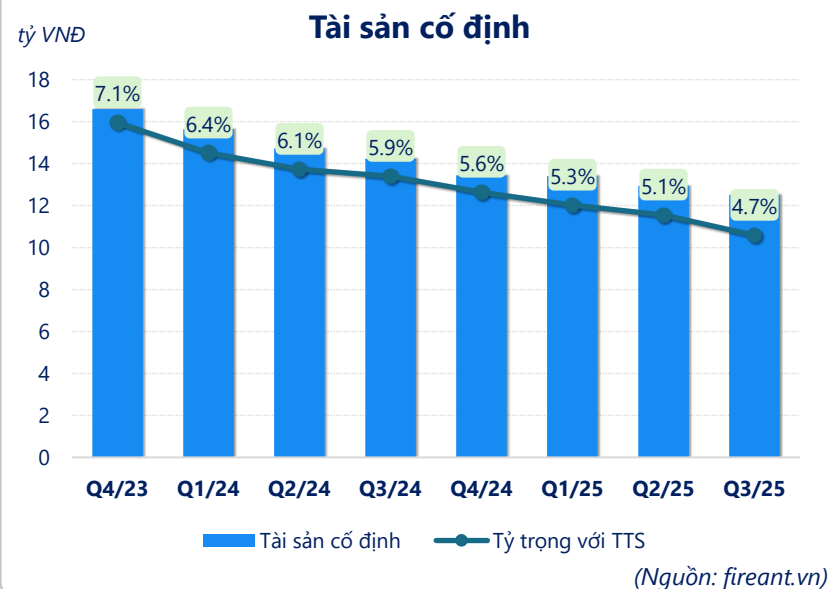
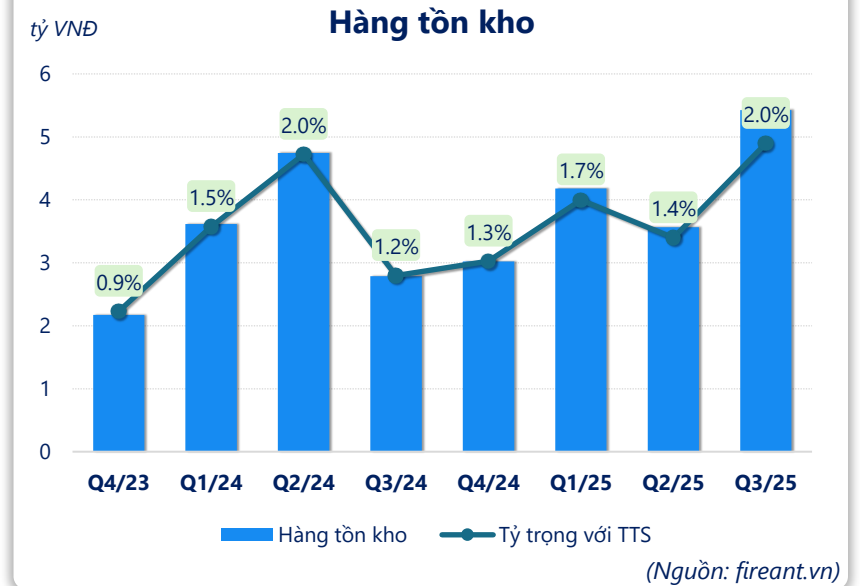
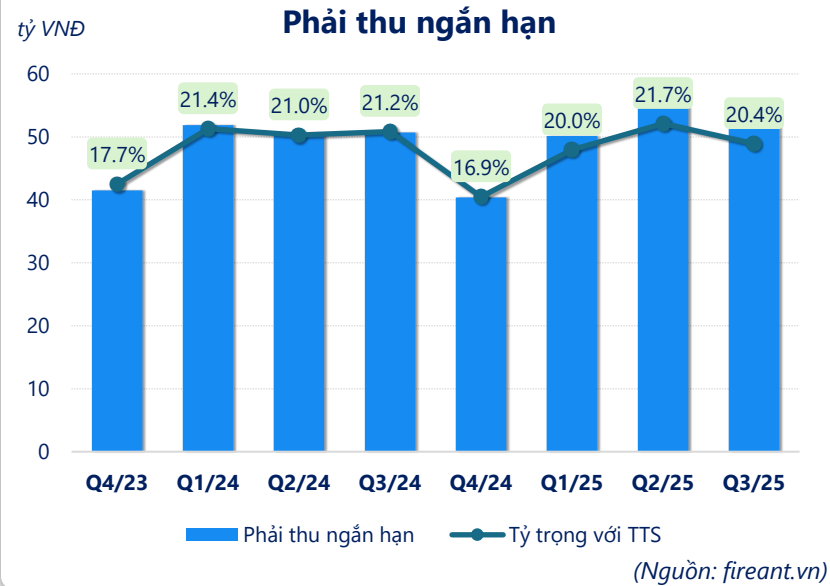
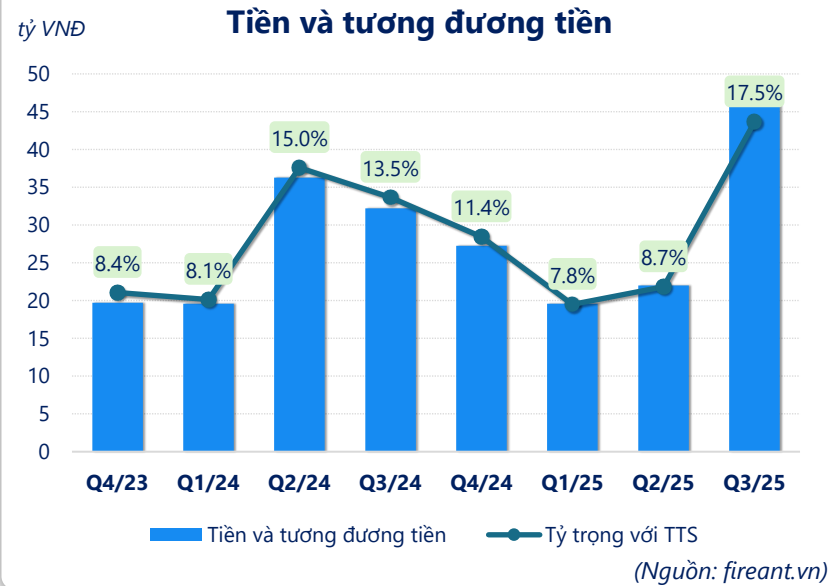
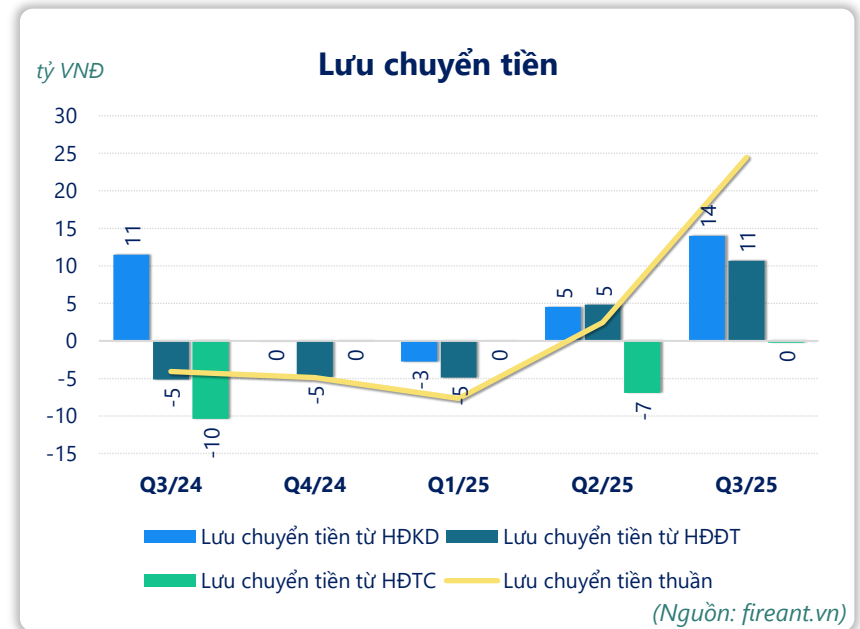
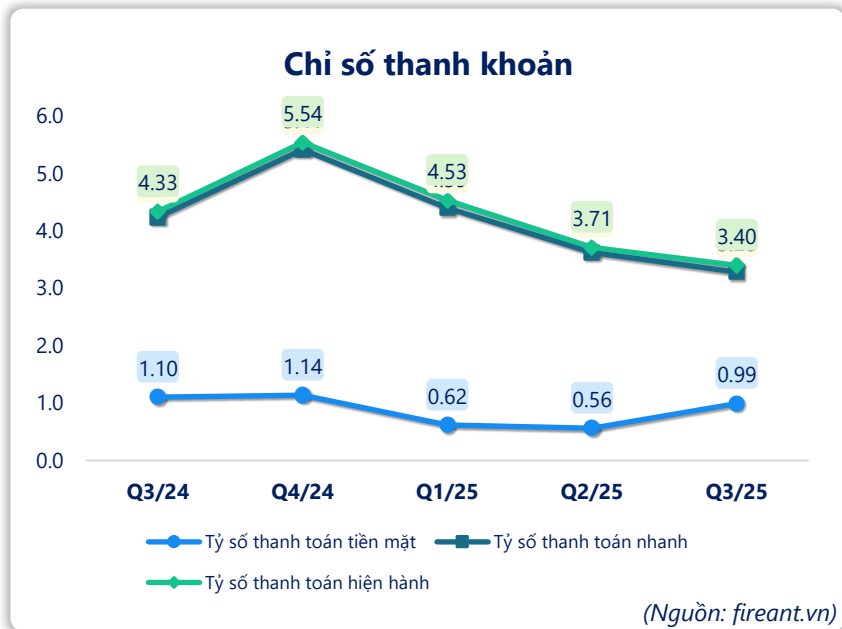
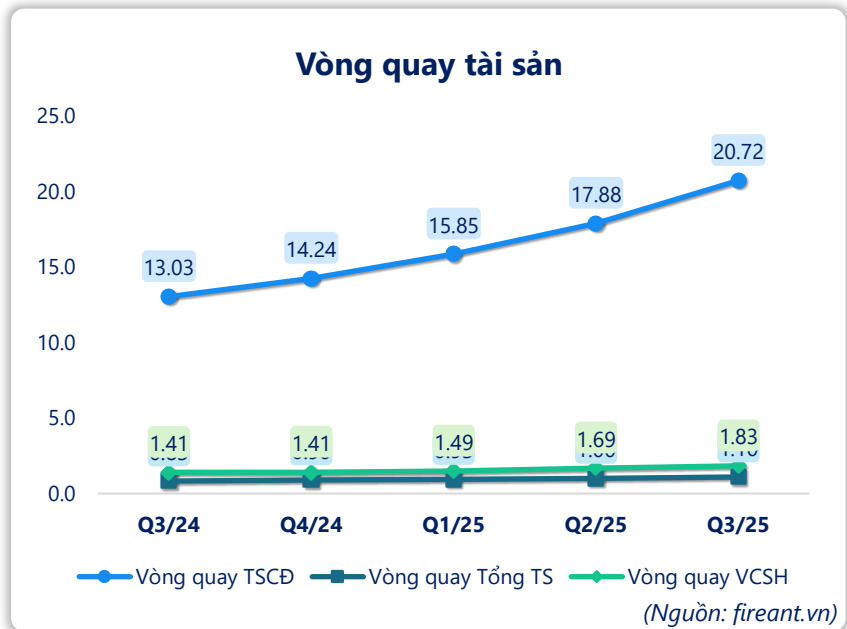
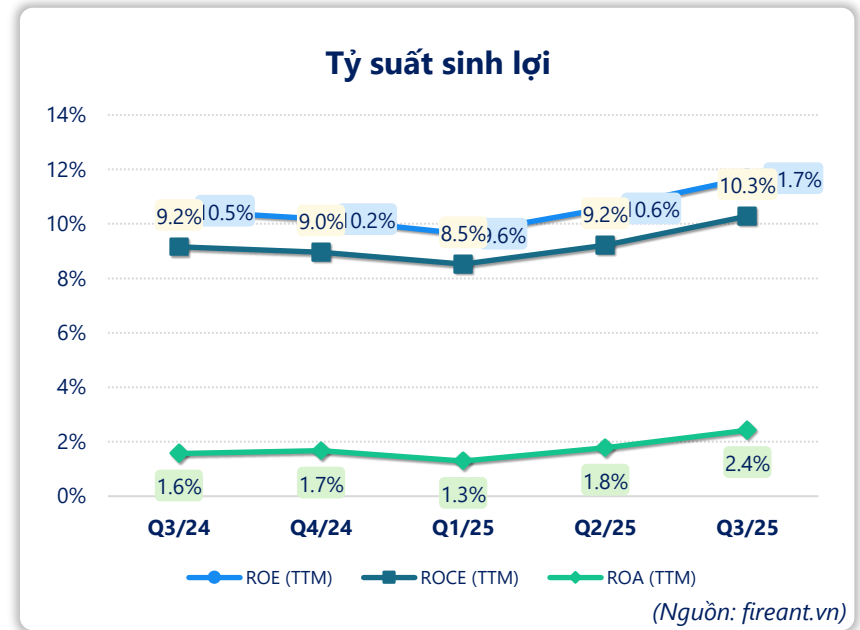
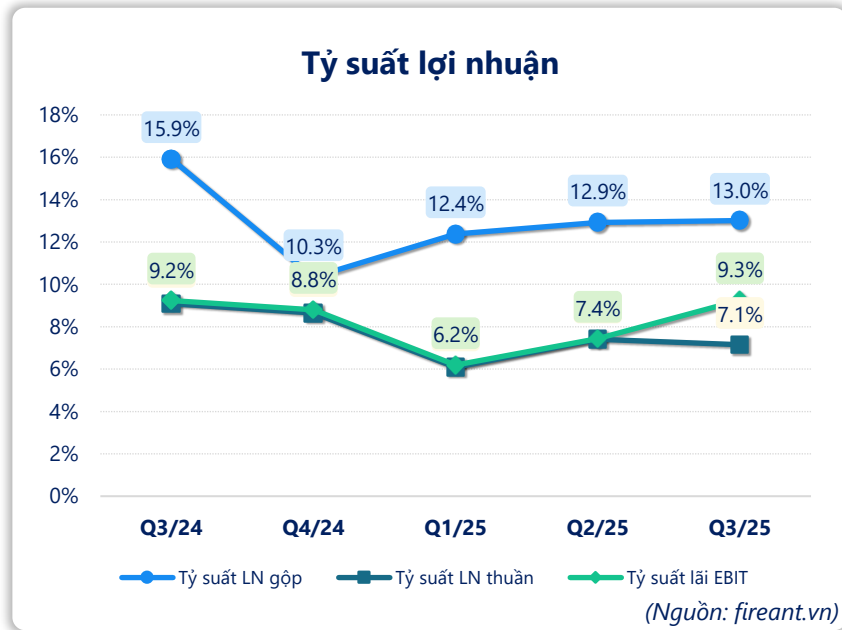
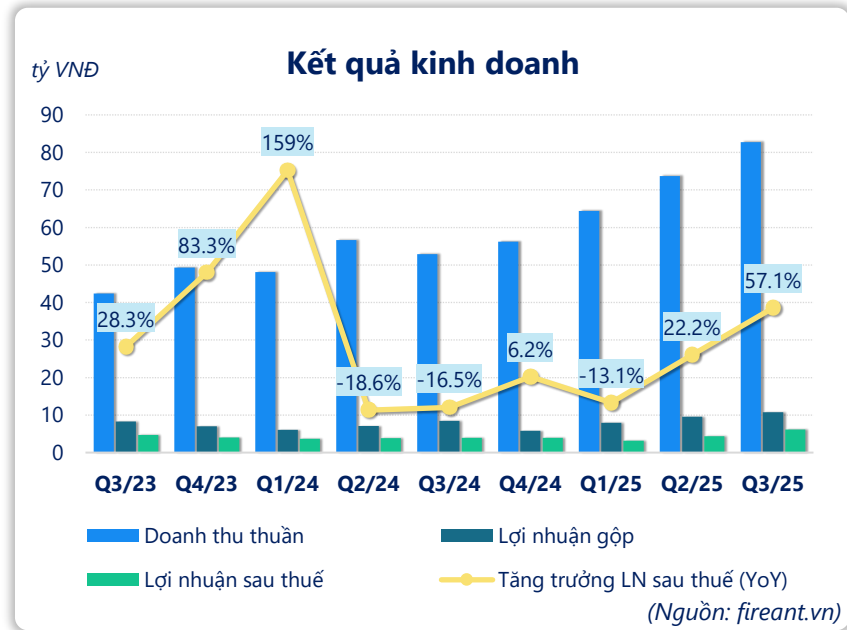


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,761
SL cổ phiếu LH		8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		294
P/E		16.7
EPS		1,961

	YTD	1T	3T	6T
VMS	58.6%	-0.9%	72.1%	49.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	266	239	11.1%
Tài sản ngắn hạn	159	133	20.0%
Tiền và tương đương tiền	46.4	27.2	70.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	59.8	-16.4%
Phải thu ngắn hạn	54.2	40.2	34.9%
Hàng tồn kho	5.43	3.04	78.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.93	2.26	29.6%
Tài sản dài hạn	107	107	0.2%
Phải thu dài hạn	26.0	26.0	-0.1%
Tài sản cố định	12.5	13.4	-6.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.7	50.7	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.7	11.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.08	4.91	3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	111	87.7	27.0%
Nợ ngắn hạn	46.8	23.8	96.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	7.72	72.1%
Nợ dài hạn	64.6	63.9	1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	152	2.0%
Vốn chủ sở hữu	155	152	2.0%
Vốn điều lệ	90.0	90.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	52.9	56.2	64.4	73.7	82.7
Giá vốn hàng bán	44.5	50.4	56.4	64.1	72.0
Lợi nhuận gộp	8.42	5.82	7.97	9.52	10.8
Doanh thu HĐTC	0.48	6.82	0.77	0.85	0.79
Chi phí TC	0.02	0.14	0.09	0.18	0.26
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.08	0.12	0.28	0.15	0.28
Chi phí QLDN	3.99	7.51	4.45	4.58	5.11
LN thuần từ HĐKD	4.81	4.86	3.92	5.45	5.91
Lợi nhuận khác	0.08	0.08	0.07	0.03	1.75
LN trước thuế	4.89	4.95	3.99	5.48	7.66
Lợi nhuận sau thuế	3.91	3.95	3.19	4.38	6.12
LNST của CĐ cty mẹ	3.91	3.95	3.19	4.38	6.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.5	-0.04	-2.77	4.54	14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.15	-4.82	-4.87	4.81	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.4	-0.05	-0.02	-6.92	-0.22
Tiền đầu kỳ	36.3	32.2	27.2	19.6	22.0
Lưu chuyển tiền thuần	-4.07	-4.91	-7.67	2.43	24.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.07	0	0	0
Tiền cuối kỳ	32.2	27.2	19.6	22.0	46.4

(Nguồn: fireant.vn)